TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST Ngày: 17-3-2020 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tô Thị Lành

2. Ông Ngô Xuân Dệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại: Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 670/2019/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Diệp Thị Thu H, sinh năm 1999. Địa chỉ: Làng B, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ 13, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12–9–2019, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Diệp Thị Thu H trình bày:

Chị Diệp Thị Thu H và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai và đươc cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 20-4-2018. Quá trình chung sống đến nay thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm tới nhau. Nay, chị Diệp Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn An Ph, sinh ngày 30-12-2018. Hiện cháu đang ở cùng với chị H. Khi ly hôn, chị H có nguyện

vọng được nuôi cháu Nguyễn An Ph. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai và đơn yêu giải quyết và xét xử vắng mặt đề ngày 06-12-2019, lời khai có tại hồ sơ, bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về hoàn cảnh và điều kiện kết hôn thì anh T nhất trí với ý kiến của nguyên đơn là chị H trình bày. Anh T cho rằng trong cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị H sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng anh chị sinh sống tại địa chỉ: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Nay chị H có nộp đơn yêu cầu ly hôn anh thì anh không đồng ý vì anh còn yêu thương vợ con.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn An Ph, sinh ngày 30-12-2018. Trường hợp buộc phải ly hôn thành anh T có nguyện vọng được nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh là Nguyễn Ngọc T hiện đang bị tạm giam và bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku truy tố về tội "Cướp giật tài sản" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Vì vậy, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh T tại phiên tòa.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

* Về nội dung vụ án:

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Chị Diệp Thị Thu H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung; bị đơn cư trú tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý vụ án là

đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp là: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T đều thống nhất hôn nhân được tạo dựng trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị Diệp Thị Thu H:

Chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đã sống ly thân và không còn quan tâm tới nhau. Tuy nhiên, anh T không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Tuấn nhưng không thành. Chị H kiên quyết ly hôn với anh T. Theo kết quả xác minh và thu thập chứng cứ của Tòa án xác định tại Bản án hình sự sơ thẩm: 10/2020/HS-ST ngày 21-02-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Peliku xử phạt anh Nguyễn Ngọc T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 19-9-2019. Do đó, trên thực tế anh T không đưa ra biện pháp nào để cải thiện tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[4] Về con chung:

Chị H và anh T đều thống nhất có (một) 01 con chung là cháu Nguyễn An Ph. Hiện con đang sống chung với chị H. Trong vụ án này, chị Hà và anh Tuấn đều có nguyện vọng được nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy anh T hiện đang bị tạm giam và bị xử phạt hình phạt tù nên anh T không đủ điều kiện chăm sóc cho cháu Nguyễn An Ph. Trong thời gian vợ chồng không chung sống con vẫn được chị H chăm sóc tốt thể hiện tại "Văn bản cam kết" ngày 16-3-2020 có xác nhận của UBND xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nguyện vọng được nuôi con của anh Tuấn và giao cháu Nguyễn An Ph cho chị Hà được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị H.

Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hộ đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Hà và anh Tuấn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84, khoản 1 Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Diệp Thị Thu H.

1. Về hôn nhân: Chị Diệp Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn An Ph, sinh ngày 30-12-2018 cho chị Diệp Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn An Ph đủ 18 (mười tám) tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí:

Chị Diệp Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001927 ngày 17-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp Pleiku;
- Chi cục THADS tp Pleiku;
- UBND phường Y(Giấy CNKH số 56/2018);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Vũ Đình Nguyên